

Bản án số: 515/2026/DS-PT
Ngày 10/4/2026
V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phan Thanh Tùng

Các Thẩm phán: Ông Trần Thanh Tòng

Ông Nguyễn Phước Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Tấn Tài - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thủy Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2026/TLPT-DS ngày 09 tháng 3 năm 2026 về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 339/2025/DS-ST ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 166/2026/QĐPT-DS ngày 11 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Tiết T, sinh năm 1998; CCCD số 072198006997; địa chỉ cư trú: Số I, tổ A, ấp T, xã B, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phan Thị K, sinh năm 1964; địa chỉ cư trú: khu phố D, phường T, tỉnh Tây Ninh, theo văn bản ủy quyền ngày 11/3/2025; vắng mặt.

2. Bị đơn:

- Chị Lê Thùy T2, sinh năm 1984; CCCD số 072184002930.

- Anh Nguyễn Đồng K1, sinh năm 1979; CCCD số 072079002069.

Cùng địa chỉ cư trú: Tổ G, ấp B, xã B, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Anh Võ Quốc T1, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: khu phố H, phường T, tỉnh Tây Ninh, theo Hợp đồng ủy quyền ngày 03/6/2025; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967; địa chỉ cư trú: Số I, tổ A, ấp T, xã B, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

4. Người kháng cáo: bị đơn chị Lê Thùy T2, anh Nguyễn Đồng K1.

5. Viện kiểm sát kháng nghị: không.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa, nguyên đơn và người đại diện trình bày:

Chị T và vợ chồng chị T2, anh K1 không có quan hệ họ hàng. Do vợ chồng anh K1, chị T2 mua bán đất chung với bà Nguyễn Thị H (mẹ chị T) nên chị T quen biết với vợ chồng anh K1, chị T2. Vào ngày 23/02/2023, chị T cho vợ chồng anh K1 chị T2 vay số tiền 3.500.000.000 đồng; mục đích vay tiền mua đất; có viết giấy nợ anh K1, chị T2 cùng ký tên; thời hạn vay 01 năm kể từ ngày vay (nhưng thỏa thuận miệng là 02 tháng sau sẽ trả); lãi suất 50.000.000 đồng/tháng trên số tiền 3.500.000.000 đồng. Vợ chồng anh K1, chị T2 đã trả tiền lãi được 05 tháng tổng số tiền là 250.000.000 đồng, ngưng trả cho đến nay. Đến hạn chị T yêu cầu trả nhưng anh K1, chị T2 cứ hẹn nhưng không thực hiện. Nay chị T yêu cầu anh K1, chị T2 trả số tiền gốc 3.500.000.000 đồng và trả tiền lãi suất theo quy định pháp luật từ tháng 8/2023 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Người đại diện cho bị đơn trình bày: Vợ chồng anh K1, chị T2 có mối quan hệ làm ăn với bà Nguyễn Thị H. Do đó, hai bên có qua lại tiền bạc với bà H. Tuy nhiên, bà H yêu cầu viết giấy nợ với chị Phạm Thị Tiết T (con của bà H) ngày 23/02/2023 số nợ 3.500.000.000 đồng. Tuy nhiên, anh K1, chị T2 đã trả tiền xong cho bà H, nay không đồng ý trả nợ cho chị T. Người đại diện cho bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ vay tiền của bà H và tài liệu chứng cứ trả tiền xong cho bà H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà thừa nhận có mối quan hệ làm ăn chung với anh K1, chị T2. Tuy nhiên số tiền 3.500.000.000 đồng là nợ của chị T (con gái bà) không liên quan đến bà. Vì vậy, anh K1, chị T2 không có trả cho bà số tiền nào đối với nợ này.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 339/2025/DS-ST ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh đã quyết định.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Tiết T “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với chị Lê Thùy T2, anh Nguyễn Đồng K1.

Buộc chị Lê Thùy T2, anh Nguyễn Đồng K1 có nghĩa vụ trả cho Phạm Thị Tiết T 4.132.916.000 đồng (Bốn tỷ một trăm ba mươi hai triệu chín trăm mười sáu nghìn đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn giải quyết về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 20 tháng 01 năm 2026, bị đơn chị Lê Thùy T2, anh Nguyễn Đồng K1 có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chứng cứ kèm theo bản sao kê 69 lần chuyển khoản trả tiền cho chị T.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện cho bị đơn chị Lê Thùy T2, anh Nguyễn Đồng K1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đồng thời cho rằng bị đơn đã trả cho nguyên đơn tiền nợ gốc 1.514.100.000 đồng.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thư ký, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng những quy định pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả hỏi tại phiên tòa có căn cứ xác định. Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh K1, chị T2 trả cho chị T số tiền 3.500.000.000 đồng là có căn cứ. Về lãi suất: chị T thừa nhận đã nhận của anh K1, chị T2 250.000.000 đồng tiền lãi nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không khấu trừ là thiếu sót. Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh K1, chị T2; sửa một phần bản án sơ thẩm về khấu trừ tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Bị đơn nhận được Bản án số: 339/2025/DS-ST ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh vào ngày 08/01/2026, đến ngày 20 tháng 01 năm 2026 chị T2, anh K1 làm đơn kháng cáo nộp cho Tòa án là trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo.

[2.1] Chị T khởi kiện yêu cầu anh K1, chị T2 trả số tiền gốc 3.500.000.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định pháp luật từ tháng 8/2023 cho đến khi giải quyết xong vụ án. Chứng cứ kèm theo là giấy mượn tiền lập ngày 23/02/2023, có nội dung anh K1, chị T2 vay của chị T số tiền 3.500.000.000 đồng, mục đích vay tiền mua đất. Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm bị đơn không thừa nhận chữ ký, chữ viết và dấu vân tay trên giấy nợ. Tại kết luận giám định số: 2127/KL-KTHS ngày 27/10/2025 của Phòng K2 Công an tỉnh T kết luận: kết luận chữ ký, chữ viết và dấu vân tay trên “GIẤY MƯỢN TIỀN” là của anh K1 và chị T2. Tại biên bản đối chất ngày 13/3/2026 người đại diện cho bị đơn thừa nhận chị T vay tiền ngân hàng sau đó cho anh K1, chị T2 vay lại.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định anh K1, chị T2 có vay của chị T số tiền là 3.500.000.000 đồng.

[2.2] Tại biên bản đối chất ngày 13/3/2026, người đại diện cho bị đơn cho rằng anh K1 đã chuyển khoản trả cho chị T tiền nợ gốc là 1.514.100.000 đồng, chứng cứ kèm theo bản sao kê chứng từ giao dịch có xác nhận của Ngân hàng do người đại diện cho bị đơn cung cấp cho Tòa án cấp phúc thẩm sau khi xét xử sơ thẩm.

Xét thấy, ở cấp sơ thẩm người đại diện cho bị đơn cho rằng đã trả nợ xong cho chị T; sau khi xử sơ thẩm bị đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xử

không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; tại biên bản đối chất ngày 13/3/2026 người đại diện cho bị đơn cho rằng anh K1 đã chuyển khoản trả cho chị T tiền nợ gốc là 1.514.100.000 đồng. Những lời trình bày của người đại diện cho bị đơn hoàn toàn mâu thuẫn với nhau. Mặt khác, tại biên bản đối chất ngày 13/3/2026, chị T trình bày anh K1 có chuyển tiền mua bán gỗ vào khoản của chị, không phải trả tiền gốc vay; người đại diện cho bị đơn không phản đối tình tiết này. Số tiền 1.514.100.000 đồng anh K1 chuyển khoản cho chị T cũng không ghi nội dung gì.

Người đại diện cho bị đơn cho rằng anh K1, chị T2 đã chuyển khoản trả cho chị T tiền nợ gốc là 1.514.100.000 đồng là không có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc anh K1, chị T2 phải trả cho chị T số tiền nợ gốc 3.500.000.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.3] Về tiền lãi suất: Chị Thương yêu C trả tiền lãi từ tháng 8/2023 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Xét thấy, căn cứ giấy mượn tiền lập ngày 23/02/2023, thể hiện thời hạn vay là 01 năm nên có căn cứ xác định đây là hợp đồng vay có kỳ hạn.

Về lãi suất các bên không có thỏa thuận trong hợp đồng. Tuy nhiên, nguyên đơn thừa nhận cho vay với mức lãi suất là 50.000.000 đồng/tháng/3.500.000.000 đồng; bị đơn thừa nhận có trả tiền lãi cho nguyên đơn thông qua chuyển khoản nhưng không rõ mức lãi suất. Như vậy, có căn cứ xác định các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Chị T2, anh K1 phải trả tiền lãi cho chị T cụ thể như sau: từ ngày 24/02/2024 đến ngày 15/12/2025 là 01 năm 09 tháng 21 ngày (01 năm 09 tháng 21 ngày) x 10%/năm x 3.500.000.000 đồng = 632.916.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T thừa nhận đã nhận 250.000.000 đồng tiền lãi nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không khấu trừ là thiếu sót, cần sửa lại cho phù hợp.

[3] Từ những phân tích nêu trên cần chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn sửa bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm là có căn cứ, nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo được chấp nhận nên bị đơn không chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Những phần của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn chị Lê Thùy T2, anh Nguyễn Đồng K1.

2. Sửa một phần Bản án Dân sự sơ thẩm số: 339/2025/DS-ST ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 12 - Tây Ninh.

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thị Tiết T về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bị đơn chị Lê Thùy T2, anh Nguyễn Đồng K1.

2.3. Buộc chị Lê Thùy T2, anh Nguyễn Đồng K1 có nghĩa vụ trả cho Phạm Thị Tiết T tiền nợ gốc 3.500.000.000 đồng, tiền lãi 382.916.000 đồng, tổng cộng: 3.882.916.000 (Ba tỷ tám trăm tám mươi hai triệu chín trăm mười sáu nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Lê Thùy T2, anh Nguyễn Đồng K1 phải chịu 109.658.320 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại chị Phạm Thị Tiết T 51.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0012597 ngày 11 tháng 3 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Cầu (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12, Tây Ninh).

4. Chi phí tố tụng: chị Lê Thùy T2, anh Nguyễn Đồng K1 phải chịu 6.000.000 đồng tiền chi phí giám định (đã nộp xong).

5. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Chị Lê Thị Thùy T2, anh Nguyễn Đồng K1 không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho chị Lê Thị Thùy T2, anh Nguyễn Đồng K1 tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001484 ngày 20/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

6. Những phần của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND khu vực 12, Tây Ninh;
- THADS;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh Tùng